

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 27/12/2021, anh **Trần Văn C**, sinh năm 1982; nơi ĐKTT: **thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai** (hiện đang chấp hành án tại **Trại giam A1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa**) cùng 02 người em tên là **Bùi Xuân N1** và **Nguyễn Đức A** đang làm việc tại lán thu mua mì của **C** ở **xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai** thì xảy ra mâu thuẫn với **Lê Văn C1** trong việc thu mua mì dẫn đến việc đánh nhau giữa 2 nhóm người của **C** và **C1**, hậu quả làm 02 người bị thương. Vụ việc sau đó được **Công an huyện Đ** thụ lý, giải quyết, hai người em của anh **C** là **Bùi Xuân N1** và **Nguyễn Đức A** bị xem xét xử lý về tội “*Giết người*”. Thấy sự việc nghiêm trọng và diễn biến phức tạp, anh **C** nhờ bạn bè tìm người có nhiều mối nhiều mối quan hệ để lo “*chạy án*” cho **Bùi Xuân N1** và **Nguyễn Đức A** từ tội “*Giết người*” sang tội nhẹ hơn thì được một người quen là anh **Đào Văn N2** (sinh năm 1989; trú tại: **thôn D, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai**) giới thiệu cho biết có **Nguyễn Đức T** (tên gọi khác: **T** cà chua) là người quen của **N2**, có nhiều mối quan hệ, có thể chạy án cho **Bùi Xuân N1** và **Nguyễn Đức A** được nhẹ tội.

Đầu tháng 01/2022, anh **N2** đã giới thiệu cho anh **C** gặp **T**. Khi gặp nhau, anh **C** đã kể cho **T** nghe diễn biến vụ án và nói hiện các em của anh **C** đã bị **Công an huyện Đ** điều tra về tội “*Giết người*” và sẽ chuyển Công an tỉnh để điều tra, anh **C** muốn nhờ **T** lo chạy án cho **Bùi Xuân N1** và **Nguyễn Đức A** được nhẹ tội, chỉ để xử lý ở huyện thì **T** giới thiệu mình có mối quan hệ quen biết với Trưởng **Công an huyện Đ** và Chánh án Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa vì là bạn học của **T**, để **T** gặp họ hỏi xem có thể lo chạy án cho **N1** và **A** được nhẹ tội không, hỏi được **T** sẽ báo.

Khoảng 03 ngày sau, **T** gọi điện cho anh **C** nói đã gặp người có thể lo chạy án cho **N1** và **A** về tội “*Cố ý gây thương tích*” và sẽ chỉ để ở **huyện Đ** xử lý, chi phí lo chạy án là 200.000.000 đồng. Nghe vậy thì anh **C** đồng ý, anh **C** nói với **T**, cho **C** 02 đến 03 ngày để **C** lo chạy tiền rồi mang ra, **T** đồng ý. Đến ngày 10/01/2022, anh **C** mới chuẩn bị được số tiền 150.000.000 đồng thì **T** gọi cho anh **C** hỏi đã chạy được tiền chưa, anh **C** nói mới chạy được 150.000.000 đồng thì **T** nói cứ chạy ra phố gặp **T** đi, sau đó anh **C** chạy xe lên **thành phố P** gặp **T** tại **quán C4** thuộc **phường T, thành phố P** và anh **C** đã đưa cho **T** 100.000.000 đồng tiền mặt và dùng tài khoản **Ngân hàng B** số 62010000945298 mang tên **Trần Văn C** chuyển 50.000.000 đồng qua tài khoản **Ngân hàng V** số 0291000320446 của **T**, còn 50.000.000 đồng anh **C** nói với **T** khi nào xong việc anh **C** sẽ đưa đủ. Sau khi giao nhận tiền xong thì **T** rủ anh **C** đi nhậu cùng **T** và bạn của **T** rồi nói cứ yên tâm về đi, để **T** nhờ người quen lo cho các em của anh

C được nhẹ tội. Sau khi nhận tiền của anh C, T không đi gặp ai để đưa tiền lo chạy án cho Bùi Xuân N1 và Nguyễn Đức A mà sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 20/01/2022 thì Bùi Xuân N1 bị bắt để điều tra, Bùi Xuân N1 và Nguyễn Đức A bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ (cũ) khởi tố về tội “Giết người”. Thấy N1 và A bị khởi tố về tội “Giết người” thì anh C gọi điện cho T hỏi sao việc đã nhờ T rồi mà vẫn bị khởi tố về tội “Giết người” thì T nói để T hỏi lại chứ T đã nhờ rồi. Đến cuối tháng 3/2022, vụ án được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G để điều tra theo thẩm quyền, lúc này anh C tiếp tục gọi điện cho T để báo việc vụ án đã được chuyển lên Công an tỉnh để điều tra và hỏi tại sao đã đưa cho T số tiền 150.000.000 đồng để nhờ chạy án nhưng các em của C vẫn bị khởi tố tội “Giết người” thì T nói đã lo rồi nhưng không biết sao lại như vậy, đề T hỏi lại xem. T hỏi anh C vụ án chuyển đến Phòng nào ở Công an tỉnh đề T nhờ tiếp, sau khi biết vụ án được chuyển đến Phòng PC02 thì T nói anh C cứ yên tâm, vì Phòng PC02 từ Điều tra viên đến Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng T đều quen biết hết, T sẽ gặp gỡ những người thụ lý vụ án này để tiếp tục lo cho các em của anh C và nói anh C cứ yên tâm. Sau đó T có gặp ai để nhờ hay không thì anh C không rõ, nhưng các em của anh C vẫn bị điều tra truy tố về tội “Giết người”, bản thân anh C thì bị khởi tố, điều tra về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Sau khi biết mình bị khởi tố, anh C có liên lạc với T để hỏi tại sao đã đưa tiền cho T nhờ chạy án nhưng không thay đổi được tội danh của em C thì T không nghe máy và trốn tránh không gặp. Sau đó Bùi Xuân N1 và Nguyễn Đức A bị truy tố, xét xử về tội “Giết người”. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2023/HSST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xử phạt Bùi Xuân N1 08 năm tù, Nguyễn Đức A 07 năm 06 tháng tù về tội “Giết người”, hiện Bùi Xuân N1 và Nguyễn Đức A đang thi hành án tại Trại giam G. Trần Văn C cũng bị khởi tố điều tra và truy tố về tội “Gây rối trật tự công cộng” và bị kết án 03 năm tù giam, đang chấp hành án tại Trại giam A1, tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi đi thi hành án, cho rằng T đã có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt” số tiền 150.000.000 đồng của mình, nên anh Trần Văn C tự trình báo vụ việc trên với Trại giam tố giác hành vi của T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G, đề nghị điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật. Đồng thời, vợ anh C là Bùi Thị Thu H1 đã giao nộp 03 tập tin âm thanh là 03 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa T và anh C về việc anh C đưa 150.000.000 đồng cho T để T “chạy án”.

Ngày 08/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã ra Quyết định số 1659/QĐ-CSHS trung cầu V1 (C09) - Bộ C5 giám định đối với 03 tập tin âm thanh do vợ anh C giao nộp.

Tại Bản giám định số 7815/KL-KTHS ngày 15/10/2024 của V1 - Bộ C5, kết luận:

1. Không tìm thấy dấu vết cắt ghép chỉnh sửa nội dung âm thanh trong 03 (ba) file ghi âm trong mẫu cần giám định.

2. Giám định tiếng nói: 2025/10/27 14:44 nói của ông Trần Văn C trong 03 (ba) file ghi âm mẫu cần giám định.

- Có tiếng nói của ông Nguyễn Đức T trong 03 (ba) file ghi âm mẫu cần giám định.

3. Ngày, tháng, năm khởi tạo file:

+ File ghi âm: “Ghi âm cuộc gọi A Toan P_220321_160656.M4A” thời gian khởi tạo: ngày 21 tháng 3 năm 2022 (thể hiện trong thuộc tính của file).

+ File ghi âm: “Ghi âm cuộc gọi A Toan P 220408 172826.M4A” thời gian khởi tạo: ngày 08 tháng 4 năm 2022 (thể hiện trong thuộc tính của file).

+ File ghi âm: “Ghi âm cuộc gọi A Toan P 220408 173047.M4A” thời gian khởi tạo: ngày 08 tháng 4 năm 2022 (thể hiện trong thuộc tính của file).

4. Đã chuyển nội dung hội thoại các file ghi âm trong mẫu cần giám định ra thành văn bản (chỉ tiết thể hiện trong bản dịch kèm theo).

Quá trình kiểm tra xác minh, Nguyễn Đức T đã đầu thú và khai nhận về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt” số tiền 150.000.000 đồng của anh Trần Văn C như nội dung tố giác.

Với nội dung như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2025/HSST ngày 21/8/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày ngày 21/10/2024 đến ngày 19/3/2025.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 04/9/2025, bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Nguyễn Đức T** trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Đức T** là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Đức T** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 24 (hai mươi bốn) tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không trình bày tranh tụng.

Lời nói sau cùng: tôi rất ăn năn hối cải, kính mong hội đồng xét xử cho tôi hưởng án treo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2025, bị cáo **Nguyễn Đức T** kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của bị cáo **T** là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Đức T**:

[2.1] Về hành vi phạm tội và điều luật áp dụng:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định: ngày 10/01/2022, tại **quán C4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai**, **Nguyễn Đức T** đã đưa ra thông tin gian dối về việc có khả năng “*chạy án*” cho người thân của bị hại **Trần Đức C2** chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng, **T** đã sử dụng tiêu xài cá nhân. Như vậy, lời khai của bị cáo **Nguyễn Đức T** phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo **Nguyễn Đức T** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện vụ án và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định của pháp luật

và xử phạt bị cáo 24 (hai mươi bốn) tháng tù là có căn cứ, thoả đáng. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, sau khi xét xử sơ thẩm không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: bị cáo **Nguyễn Đức T** phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng các Điều 355, 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Đức T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về tội danh: tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

3. Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T** 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày ngày 21/10/2024 đến ngày 19/3/2025.

4. Về án phí: bị cáo **Nguyễn Đức T** phải chịu 200.000 đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Thường Võ Thị Ngọc Dung

Trần Quốc Cường